

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 02-01-2025

V/v “ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HOÁ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: bà Đặng Nguyễn Phương C

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lý Thị D

2. Ông Nguyễn Thành H

- Thư ký phiên toà: ông Lê Ngọc T - Thư ký Toà án nhân dân huyện Mộc Hoá, tỉnh Long An

Ngày 02 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mộc Hoá, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Nông Thị Cẩm T, sinh năm: 1995

Địa chỉ: ấp 4, xã Bình Hoà Đông, huyện Mộc Hoá, tỉnh Long An

2. *Bị đơn:* ông Huỳnh Vũ L, sinh năm: 1993

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện M, tỉnh Long An

(Bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông L vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn - bà Nông Thị Cẩm T trình bày:

Bà Nông Thị Cẩm T và ông Huỳnh Vũ L tự nguyện yêu thương được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Long An. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng sau đó khoảng 03, 04 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông L thường xuyên uống rượu, không lo lắng cho vợ con. Vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, thường

xuyên cãi vã dẫn đến hôn nhân không thể hoà hợp. Bà T và ông L đã ly thân khoảng 01 năm nay. Nay bà T xét thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với ông L.

- Về con chung: bà T và ông L có một con chung tên Huỳnh Ngọc Gia T1, sinh ngày 03/6/2014. Con chung hiện nay đang sống chung với bà T. Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 05/11/2024, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên ngày 17/12/2024, bà T xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể bà T xin rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, bà T không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung trong vụ án này.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Huỳnh Vũ L vắng mặt không lý do. Ông L không cung cấp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: tranh chấp về việc ly hôn giữa nguyên đơn Nông Thị Cẩm T với bị đơn Huỳnh Vũ L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp B, xã B, huyện M, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông L vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Ông L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án. Ông L cũng không cung cấp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: bà T và ông L tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Long An vào ngày 22/6/2016 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của bà T thì trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, ông L thường xuyên uống rượu, không lo lắng cho vợ con, vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau nên cuộc sống không hoà hợp, hôn nhân không còn hạnh phúc. Do có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống nên bà T và ông L đã ly thân từ tháng 12 năm 2023 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, bà T và ông L mỗi người có cuộc sống riêng, vợ chồng không có sự quan tâm lẫn nhau, không có thiện chí và giải pháp hữu hiệu nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, ông L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng nhưng ông L đã vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết tại Tòa án. Ông L không quan tâm, không mong muốn giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn đoàn tụ với bà T. Bà T kiên quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của bà T và ông L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, bà T được ly hôn với ông L.

Về con chung: bà T và ông L có một con chung tên Huỳnh Ngọc Gia T1, sinh ngày 03/6/2014. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 05/11/2024, bà T yêu cầu ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên ngày 17/12/2024, bà T xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể bà T xin rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, bà T không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung trong vụ án này. Xét thấy con chung hiện nay đang sống chung với bà T. Theo bản tự khai ngày 05/11/2024 của cháu T1 thì cháu T1 có nguyện vọng sống chung với mẹ. Ông L không cung cấp ý kiến tranh chấp về nuôi con chung. Xét thấy để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của con chung, tránh thay đổi môi trường sống, môi trường học tập của con chung nên Hội đồng xét xử cần giao con chung cho bà T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà T xin rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, xét thấy đây là sự tự nguyện của bà T nên được chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà T về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: bà T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông L không cung cấp ý kiến tranh chấp về tài sản chung và nợ chung. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được miễn nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu cấp dưỡng theo quy định. Ông L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm b khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nông Thị Cẩm T đối với ông Huỳnh Vũ L.

- Bà Nông Thị Cẩm T được ly hôn với ông Huỳnh Vũ L.

- Về con chung: bà Nông Thị Cẩm T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Huỳnh Ngọc Gia T1, sinh ngày 03/6/2014.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nông Thị Cẩm T đối với ông Huỳnh Vũ L về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quyền khởi kiện lại được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Về án phí: bà Nông Thị Cẩm T có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0002347 ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hoá sang thi hành án phí, bà T không phải nộp thêm. Bà T được miễn nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu cấp dưỡng theo quy định nên không phải hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà T. Ông Huỳnh Vũ L không phải chịu án phí.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Mộc Hoá;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hoá;
- Cơ quan đã đăng ký kết hôn;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Nguyễn Phương C